

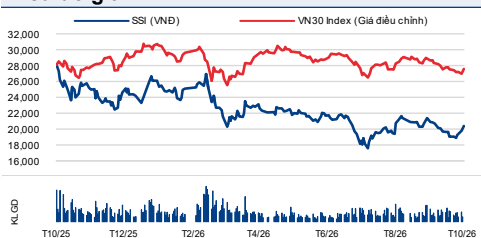
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ24,700

Tiềm năng tăng/giảm: 21.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/10/2026)	20,400
Mã Bloomberg	SSI VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,585-27,995
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	20,050
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	61,180
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,366
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,999
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,999
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,099
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	30.0%
Tỷ lệ freefloat	25.0%
Cổ đông lớn	Securities Group Inc. (15.3%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	94,050	98,743	107,814
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	38,940	41,276	47,881
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	12,931	12,507	13,628
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	4,113	4,442	5,133
BVPS (đồng)	12,297	13,364	14,002
EPS (đồng)	1,986	1,496	1,649
DPS (đồng)	1,000	800	1,000
T.trưởng tổng tài sản (%)	27.9	4.99	9.19
T.trưởng c.vay KQ (%)	77.0	6.00	16.0
T.trưởng DT HĐ (%)	51.6	(3.28)	8.96
Tăng trưởng EPS (%)	34.6	(24.7)	10.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	(20.0)	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	50.4	53.5	60.6
ROAE (%)	14.0	12.3	12.5
ROAA (%)	4.91	4.61	4.97
Tỷ lệ CIR (%)	41.5	29.4	26.7
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.12	0.12	0.12
Vòng quay tổng TS (%)	15.4	13.0	13.2
Đòn bẩy vốn (%)	294	246	256
Thị phần môi giới CP (%)	11.5	11.6	11.8
P/E (lần)	10.3	13.6	12.4
P/B (lần)	1.66	1.53	1.46
Lợi suất cổ tức (%)	4.90	3.92	4.90

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

SSI là một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam, với thị phần khoảng 10%. Công ty phát triển cân bằng giữa nhóm khách hàng cá nhân và tổ chức

Chuyên viên phân tích**Lê Khánh Tùng**

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lợi nhuận Q3 giảm 27% so với cùng kỳ – sát với dự báo

- LNTT Công ty mẹ của SSI đạt 1.295 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ (giảm 14% so với quý trước), sát với dự báo của chúng tôi. Theo đó, LNTT Công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2026 đạt 4.268 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ, hoàn thành 77% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.
- Hoạt động bảng CĐKT giảm nhẹ từ mức nền cao. Dự nợ cho vay ký quỹ ở mức 38,5 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2026, giảm 5% so với quý trước và giảm 2% so với cùng kỳ, trong khi danh mục đầu tư giảm 3% so với quý trước xuống 47 nghìn tỷ đồng. Thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HOSE của SSI vẫn giữ vững ở mức cao 11,1%, đứng thứ 2.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 10% trong 3 tháng qua, SSI đang giao dịch với P/E dự phóng 1 năm là 12,3 lần, thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 24.700đ.

Sự kiện: KQKD Q3/2026 công bố ngày 20/10/2026

SSI đã báo cáo LNTT Công ty mẹ đạt 1.295 tỷ đồng trong Q3/2026, giảm 27% so với cùng kỳ, trước áp lực từ lãi từ cho vay ký quỹ giảm 10% so với cùng kỳ xuống 1.046 tỷ đồng và lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm mạnh 83% so với cùng kỳ xuống 65 tỷ đồng nhưng được bù đắp một phần nhờ thu nhập đầu tư tăng 11% so với cùng kỳ đạt 1.115 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, LNTT công ty mẹ đạt 4.268 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ, hoàn thành 77% dự báo cả năm 2026 và sát dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Mảng cho vay ký quỹ: Lành mạnh trở lại từ mức nền cao

Lãi từ cho vay ký quỹ giảm 10% so với cùng kỳ (tăng 1% so với quý trước) xuống 1.046 tỷ đồng trong Q3/2026 do dự nợ cho vay ký quỹ thu hẹp cùng sức ép lên NIM cho vay ký quỹ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, lãi từ cho vay ký quỹ tăng 7% so với cùng kỳ đạt 2.979 tỷ đồng, hoàn thành 80% dự báo cả năm 2026 và cao hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Dự nợ cho vay ký quỹ giảm 2% so với cùng kỳ (giảm 5% so với quý trước) xuống 38,2 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2026, tương đương tỷ lệ dự nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH giảm xuống 100% từ 102% tại thời điểm cuối Q2/2026. SSI vẫn duy trì dự nợ cho vay ký quỹ lớn thứ 3 trong ngành, sau TCX (Mua vào, giá mục tiêu 41.667đ) ở mức 54,7 nghìn tỷ đồng và VPX (Chưa khuyến nghị) ở mức 39,7 nghìn tỷ đồng. Mức giảm này nhìn chung phù hợp với xu hướng ngành với tổng dự nợ cho vay ký quỹ toàn ngành chỉ tăng 1% so với quý trước lên 457 nghìn tỷ đồng, theo ước tính của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q3/2026, SSI công ty mẹ

LNTT 9 tháng đầu năm của Công ty mẹ hoàn thành 77% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi

Tỷ đồng	Q3/25	Q3/26	So với cùng kỳ	9T25	9T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Tổng thu nhập HĐ	2,505	2,237	-11%	5,832	6,794	16%	75%
Môi giới	389	65	-83%	585	429	-27%	67%
Cho vay ký quỹ	1,113	1,046	-6%	2,750	2,979	8%	80%
Thu nhập từ đầu tư	1,006	1,115	11%	2,464	3,257	32%	71%
Khác	(3)	10		34	129	279%	152%
Chi phí tài chính ròng	(664)	(888)	34%	(1,719)	(2,365)	38%	72%
Chi phí HĐ	(58)	14	-124%	(170)	(173)	2%	74%
Thu nhập khác	-	14		-	12		
LNTT	1,782	1,295	-27%	3,942	4,268	8%	77%
Lợi nhuận thuần	1,433	1,043	-27%	3,197	3,432	7%	77%

Nguồn: SSI, HSC

Chúng tôi cho rằng dư nợ cho vay ký quỹ của SSI đã lành mạnh trở lại từ mức nền cao. Dư nợ vẫn ở mức cao mặc dù giá trị giao dịch bình quân ngày của thị trường sụt giảm cho thấy nhu cầu vay ký quỹ để nắm giữ vẫn ổn định ngay cả khi giao dịch của phân khúc bán lẻ chững lại. Nền vốn vững mạnh và cơ cấu cân bằng giữa nhu cầu giao dịch và nắm giữ của SSI tiếp tục hỗ trợ sự ổn định của mảng cho vay ký quỹ.

Lợi suất cho vay ký quỹ bình quân tăng 20 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 40 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 11,2%. Tuy nhiên, chi phí huy động tăng nhanh hơn, tăng 30 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 160 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 5,8%, thu hẹp NIM cho vay ký quỹ xuống 5,4% từ 5,5% trong Q2/2026 và 6,6% trong Q3/2025.

Thu nhập đầu tư: Giữ vững đà tăng trưởng

Thu nhập đầu tư tăng 11% so với cùng kỳ và tăng 2% so với quý trước lên 1.145 tỷ đồng trong Q3/2026 nhờ danh mục thu nhập cố định quy mô lớn đạt 47 nghìn tỷ đồng, giảm 3% so với quý trước, và lợi suất đầu tư ổn định ở mức 8,6% (tăng 20 điểm cơ bản so với quý trước). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, thu nhập đầu tư đạt 3.257 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, hoàn thành 71% dự báo cả năm 2026 và nhìn chung cũng sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Danh mục đầu tư của SSI bao gồm:

- Danh mục FVTPL: 43,1 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2026, đi ngang so với quý trước. Chứng chỉ tiền gửi chiếm 51% danh mục, trái phiếu chiếm 44% – chủ yếu là trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành – và cổ phiếu chiếm khoảng 3%, chủ yếu là cổ phiếu niêm yết.
- Danh mục HTM: 3,6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu là tiền gửi trung hạn.
- Danh mục AFS: 0,3 nghìn tỷ đồng, chủ yếu là cổ phiếu chưa niêm yết.

Thu nhập nghiệp vụ môi giới chịu ảnh hưởng do thanh khoản bình quân ngày sụt giảm

Doanh thu nghiệp vụ môi giới gộp giảm 62% so với cùng kỳ và giảm 24% so với quý trước xuống 349 tỷ đồng trong Q3/2026 trong bối cảnh thanh khoản thị trường âm ảm với giá trị giao dịch bình quân ngày giảm 19% so với quý trước và giảm 54% so với cùng kỳ xuống 21 nghìn tỷ đồng. Chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 47% so với cùng kỳ và giảm 17% so với quý trước xuống 284 tỷ đồng, tương đương lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm xuống 65 tỷ đồng, giảm 83% so với cùng kỳ và giảm 46% so với quý trước. Tỷ lệ phí giữ lại (lợi nhuận nghiệp vụ môi giới/doanh thu nghiệp vụ môi giới gộp) giảm xuống 19% từ 26% trong Q2/2026, cho thấy hoạt động giao dịch thị trường suy yếu trong quý 3.

Thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HOSE của SSI giảm nhẹ xuống 11,1% từ 11,2% trong Q2/2026, nhìn chung đi ngang so với Q1/2026. Nhờ lợi thế ở phân khúc khách hàng tổ chức và dư nợ cho vay ký quỹ lớn, SSI vẫn duy trì vị trí thứ 2, đứng sau VCK ở mức 11,5%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới giảm 27% so với cùng kỳ xuống 429 tỷ đồng, hoàn thành 67% dự báo cả năm 2026 và thấp hơn dự báo 9 tháng của chúng tôi.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

KQKD 9 tháng đầu năm 2026 của SSI tiếp tục cho thấy sự ổn định của mô hình lợi nhuận dựa trên tài sản. Mảng cho vay ký quỹ và thu nhập đầu tư mang lại nguồn lợi nhuận tương đối ổn định trong khi mảng nghiệp vụ môi giới suy yếu đáng kể. Kết quả này củng cố quan điểm của chúng tôi rằng SSI trong giai đoạn thanh khoản thị trường âm ảm sẽ có vị thế tốt hơn so với các công ty cùng ngành vốn phụ thuộc nhiều vào giao dịch.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 10% trong 3 tháng qua nhưng giảm 2% trong 1 tháng qua, SSI đang giao dịch với P/E dự phóng 1 năm là 12,3 lần, thấp hơn 0,6 độ

lệch chuẩn so với bình quân quá khứ. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu HĐ môi giới CK	1,667	2,345	1,752	1,956	2,129
Lãi cho vay ký quỹ	2,079	3,562	4,607	5,483	6,234
Doanh thu HĐ tự doanh	4,355	6,632	5,585	5,647	4,931
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	35.0	55.0	192	134	161
Thu nhập HĐ khác	392	337	371	408	448
Doanh thu HĐ	8,528	12,931	12,507	13,628	13,903
Chi phí HĐ	(3,590)	(5,363)	(3,671)	(3,634)	(2,990)
Lợi nhuận HĐ	4,938	7,568	8,836	9,994	10,913
Lợi nhuận tài chính	(1,396)	(2,486)	(3,289)	(3,584)	(3,896)
Lợi nhuận khác	0	6.00	6.00	6.00	6.00
LNTT	3,542	5,088	5,553	6,416	7,023
Chi phí thuế TNDN	(698)	(976)	(1,111)	(1,283)	(1,405)
LNST	2,844	4,112	4,442	5,133	5,618
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	0	0	0
Lợi nhuận thuần	2,845	4,113	4,442	5,133	5,618

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	239	3,646	118	789	(53.4)
Phải thu	801	574	428	478	521
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	1,055	2,075	1,502	1,698	1,866
Tài sản tài chính	68,838	83,028	92,165	100,225	106,611
FVTPL	42,438	38,258	43,996	44,876	45,774
HTM	3,894	5,231	6,173	6,605	7,133
Cho vay ký quỹ	21,999	38,940	41,276	47,881	52,669
AFS	562	599	719	863	1,036
Dự phòng	(55.1)	(0.01)	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,626	3,687	3,687	3,687	3,687
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	687	715	715	715	715
Đầu tư dài hạn khác	938	2,972	2,972	2,972	2,972
Tài sản cố định	231	187	206	226	249
Tài sản khác	718	853	637	711	774
Tổng tài sản	73,507	94,050	98,743	107,814	113,655
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	45,502	60,161	57,152	64,011	67,211
Trái phiếu ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	1,179	1,823	1,362	1,520	1,655
Nợ phải trả	46,681	61,984	58,514	65,531	68,866
Vốn chủ sở hữu	26,676	31,936	40,092	42,147	44,652
Vốn điều lệ	19,639	20,779	29,997	30,097	30,197
Thặng dư vốn cổ phần	1,094	3,309	8,314	8,314	8,314
Lợi nhuận giữ lại	5,856	7,738	584	2,095	3,987
Quỹ & vốn khác của CSH	107	130	1,197	1,641	2,155
Lợi ích cổ đông thiểu số	151	130	136	136	136
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	73,507	94,050	98,743	107,814	113,655

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	6.16	27.9	4.99	9.19	5.42
Tăng trưởng cho vay (%)	45.4	77.0	6.00	16.0	10.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	81.6	18.8	(25.3)	11.6	8.90
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	5.40	32.2	(5.00)	12.0	5.00
Tăng trưởng VCSH (%)	15.5	19.7	25.5	5.13	5.94
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	19.2	51.6	(3.28)	8.96	2.02
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	29.6	49.4	31.5	1.01	17.7
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	12.6	53.3	16.8	13.1	9.20
Tăng trưởng LNTT (%)	23.3	43.6	9.14	15.5	9.46
Tăng trưởng LNST (%)	22.6	44.6	8.03	15.6	9.45
Tăng trưởng LN thuần (%)	22.6	44.6	8.00	15.6	9.45

Định giá					
P/E (lần)	13.8	10.3	13.6	12.4	11.4
P/B (lần)	1.88	1.66	1.53	1.46	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	4.90	4.90	3.92	4.90	4.90

Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,475	1,986	1,496	1,649	1,796
DPS (đồng)	1,000	1,000	800	1,000	1,000
BVPS (đồng)	10,866	12,297	13,364	14,002	14,786
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,825	2,000	2,860	3,004	3,014
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,455	2,597	3,000	3,010	3,020
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,281	2,500	2,860	3,004	3,014

Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	3.99	4.91	4.61	4.97	5.07
ROAE (%)	11.4	14.0	12.3	12.5	12.9
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	11.2	11.7	12.0	12.3	12.4
Chi phí vay nợ BQ (%)	3.60	5.00	5.90	6.20	6.20
Phí môi giới thuần (%)	0.02	0.03	0.03	0.03	0.03
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	42.1	41.5	29.4	26.7	21.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	67.8	50.4	53.5	60.6	55.7

Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	9.50	11.5	11.6	11.8	11.8
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-

Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	171	188	143	152	151
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	82.0	122	103	114	118

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	1,553	1,600	1,650	1,700	1,700

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn